

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

a. Giới thiệu về dự toán

Tên dự toán: Mua sắm trang thiết bị chuyên dùng sửa chữa xe-máy và bảo đảm đồng bộ VKTBKT cho xe-máy các đơn vị năm 2025.

Chủ đầu tư: Cục Xe máy - Vận tải.

Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước.

Địa điểm thực hiện: Số 05 đường Nguyễn Tri Phương, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.

b. Giới thiệu về gói thầu

Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị chuyên dùng.

Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Ngân sách nhà nước.

Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/năm 2025.

Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Kể cả ngày nghỉ lễ, thứ bảy và chủ nhật).

Địa điểm thực hiện gói thầu: Xã Xuân Mai, thành phố Hà Nội.

Phạm vi công việc của gói thầu: Mua sắm trang thiết bị chuyên dùng sửa chữa xe-máy và bảo đảm đồng bộ VKTBKT cho xe-máy các đơn vị theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu kỹ thuật chung

- Về chủng loại hàng hóa: Được mô tả tại bảng thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa nêu tại Điểm "c. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết" dưới đây.

- Toàn bộ hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo tính đồng bộ và mới 100% chưa qua sử dụng. Tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Phải đảm bảo không vi phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ hoặc bản quyền; không vi phạm các luật khác. Được cung cấp hợp pháp tại Việt Nam.

- Việc vận chuyển đến địa điểm cung cấp phải đảm bảo an toàn tuyệt đối và tuân thủ các quy định của nhà sản xuất.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm: Hàng hóa trước khi bàn giao cho Chủ đầu tư sẽ phải thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm như mô tả tại Mục 3 chương này.

- Quy định về nghiệm thu, bàn giao:

+ Công việc cung cấp và lắp đặt hàng hóa chỉ được coi là hoàn thành khi hàng hóa được Chủ đầu tư giám định chất lượng, nghiệm thu và Nhà thầu nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

+ Thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của hàng hóa:

- Hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải có ký hiệu, nhãn mác, xuất xứ rõ ràng; phải ghi rõ tính năng, thông số kỹ thuật, phải đảm bảo mới 100% và phải được sản xuất không trước năm 2025.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu: Nhà thầu phải bàn giao cho chủ đầu tư: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa CO, Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa CQ (hoặc các tài liệu chứng minh tương đương) ngay trước khi nghiệm thu.

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Nhà thầu phải bàn giao cho chủ đầu tư: Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng trước khi nghiệm thu.

c. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Các yêu cầu kỹ thuật tại bảng sau là mức yêu cầu chung. Hàng hóa phải đáp ứng hoặc “tương đương”. Hàng hoá “tương đương” có nghĩa là hàng hoá có các thông số kỹ thuật hoặc khả năng, tính năng hoạt động, vận hành, độ bền sử dụng... tương đương với hàng hoá được mô tả trong bảng. Ngoài ra, không hạn chế các tính năng, thông số kỹ thuật được liệt kê tại bảng mà khuyến khích nhà thầu cung cấp hàng hóa có tính năng và các thông số kỹ thuật tốt hơn nhưng phải đảm bảo tính đồng bộ, thẩm mỹ, tương thích, hiện đại về công nghệ và khả năng vận hành theo yêu cầu của E-HSMT.

Trường hợp hàng hóa nhà thầu cung cấp có thêm các tính năng, thông số kỹ thuật ngoài danh mục thông số kỹ thuật yêu cầu của E-HSMT, thì nhà thầu phải nhóm riêng và ghi tóm tắt các thông số kỹ thuật đó trong phần mô tả hàng hóa để thuận lợi cho công tác so sánh, đánh giá E-HSDT (có thể để cùng ô, bảng khi mô tả hàng hóa như bảng yêu cầu của E-HSMT hoặc tách thành bảng riêng).

- Nhà thầu cung cấp catalogue hoặc bảng kê thông số kỹ thuật của hàng hóa được xác nhận của nhà sản xuất hoặc đại diện nhà sản xuất tại Việt Nam hoặc công bố trên web chính thức của nhà sản xuất để minh chứng cho các thông số kỹ thuật mà nhà thầu chào. Trường hợp không có tài liệu chứng minh đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo các bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết dưới đây, sẽ coi như hàng hóa không có cơ sở để đối chiếu, đánh giá các thông số kỹ thuật và đánh giá không đạt.

- Với các dụng cụ chuyên dùng sửa chữa xe KAMAZ nhà thầu cung cấp catalogue, bản vẽ hoặc bảng kê thông số kỹ thuật của hàng hóa được xác nhận hãng KAMAZ hoặc đại diện nhà phân phối xe KAMAZ tại Việt Nam hoặc công bố trên web chính thức của hãng KAMAZ để minh chứng cho các thông số kỹ thuật mà nhà thầu chào.

Bảng số 01: Yêu cầu kỹ thuật các trang thiết bị

TT	Danh mục trang thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	Thiết bị hàn điện 1 pha với mạch bảo vệ quá nhiệt, quá dòng, quá áp	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện 1 pha: 230 V - Điện áp hàn không tải: 64 V - Dòng điện hàn: 20-200 A - Chiều dày vật liệu hàn: 10mm - Đường kính que hàn sử dụng: Ø1.6mm >5mm - Trọng lượng thân máy: 3.6 kg - Chiều dài dây nguồn: 2m - Kích thước: 27 x 11 x 16.5 cm
2	Thiết bị chuyên dùng nâng hạ xe ô tô 2 trụ 4.5 tấn	<ul style="list-style-type: none"> - Tải trọng nâng: 4500 Kg - Chiều cao nâng: 2005 mm - Nguồn điện: 380/50 V/Hz - Khoảng cách giữa 2 cột: 2870 mm - Chiều cao bát kê điều chỉnh: 95 - 135mm - Chiều cao trụ tối đa: 4065 mm - Chiều dài tay nâng phía trước: 510+460 mm - Chiều dài tay nâng phía sau: 845+390 mm - Trang bị khóa an toàn cơ khí. - Xy lanh bố trí dạng treo.
3	Máy ra vào lốp xe du lịch, xe con	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: 220 V/50Hz - Công suất mô tơ: 1.1 Kw - Khả năng kẹp trong: 12 - 23 inch - Khả năng kẹp ngoài: 10 - 21 inch - Đường kính lốp lớn nhất: 1040 mm - Bề rộng lốp lớn nhất: 12 inch - Đường kính lazang: 21 inch
4	Tủ dụng cụ sửa chữa chuyên dùng 228 chi tiết (có bánh xe di chuyển)	<p>* Thân tủ:</p> <p>Tủ đồ tích hợp thiết bị nâng hạ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo toàn bộ thép sơn tĩnh điện. - Kích thước tổng thể của tủ DxRxC: 850x930x965 mm - Cấu tạo: + Tủ được bố trí 5 ngăn kéo, có khóa liên động để chứa thiết bị sửa chữa + Phía trên có hộc trống, sau lưng là mặt vách, tạo thành vách treo dụng cụ + Phía trên mặt tủ: trải tấm nhựa/ cao su mềm, tạo thành mặt bàn làm việc cho thợ + Xung quanh tủ được bố trí các vị trí để súng hơi, búa, đồng hồ bơm lốp + Mặt sau lưng tủ được kết hợp hệ thống nâng đỡ lớp sử dụng xilanh khí nén và hệ thống trượt. Hai rulo lăn giúp xoay và kiểm tra bề mặt lốp. + Hệ thống điều khiển được thiết kế chắc chắn, đảm bảo an toàn cho quá trình sử dụng + Hệ thống hơi trang bị cho dụng cụ cầm tay qua 01 cuộn dây 6 mét - Tủ di chuyển với 04 bánh động bánh phi 100mm (2 bánh có trang bị khóa) <p align="center"><i>(chi tiết bản vẽ tại mục 2 kèm theo)</i></p>

TT	Danh mục trang thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		<p>* Dụng cụ đi kèm</p> <p>- Dụng cụ chuyên dùng sửa chữa chung các loại xe KAMAZ: 01 chi tiết</p> <p>- Vam ổ trục trước của trục sơ cấp hộp số (danh điểm - И801.25.000)</p> <p>- Ngăn 1: Bộ tuýp 131 chi tiết</p> <p>Đầu tuýp 1/2": 8 - 10 - 12 - 13 - 14 - 15 - 16 - 17 - 18 - 19 - 20 - 21 mm</p> <p>Đầu tuýp 3/8": 8 - 9 - 10 - 11 - 12 - 13 - 14 - 15 - 16 - 17 - 18 - 19 mm</p> <p>Đầu tuýp 1/4": 4 - 4.5 - 5 - 5.5 - 6 - 6.5 - 7 - 8 - 9 - 10 - 11 - 12 - 13 - 14 mm</p> <p>Đầu tuýp mũi sao 1/4": T10 - T15 - T20 - T25 - T27 - T30 - H4 - H5 - 6 - 7 - 8 - PH1 - 2 - 3 - PZ1 - 2 - 3 - FD4 - 5 - 5.5 - 7</p> <p>Đầu tuýp dài 3/8": 8 - 10 - 11 - 12 - 13 - 16 - 17 - 18 - 19 mm</p> <p>Đầu tuýp dài 1/4": 5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 11 - 12 - 13 - 14 mm (dài 25L)</p> <p>Cần vặn tự động: 1/4", 3/8", 1/2"</p> <p>Thanh nối dài 1/4": 2" - 4"</p> <p>Thanh nối dài 3/8": 6"</p> <p>Thanh nối dài 1/2": 10"</p> <p>Khớp nối đa năng: 1/4", 3/8", 1/2"</p> <p>Đầu chuyên: 1/4"</p> <p>Thanh nối mềm: 1/4"</p> <p>Đầu nối mũi vít: 1/4"</p> <p>Tay vặn trượt: 1/4"</p> <p>Bộ lục giác đầu bi 9 cây: 1.5 - 10 mm</p> <p>Bộ lục giác đầu hoa 9 cây: T10 - T50</p> <p>- Ngăn 2: Bộ kìm và tua vít 24 chi tiết</p> <p>Bộ cờ lê hai đầu mở loại dài: 10 - 12 - 13 - 14 - 15 - 17 - 19 mm</p> <p>Tua vít: 6×38 mm, +3×75 mm, +6×150 mm</p> <p>Tua vít xuyên trục: +8×200 mm, +8×300 mm, +T20×100 mm, +T25×100 mm, +T30×100 mm</p> <p>Dụng cụ tháo chốt nhựa</p> <p>Kìm cắt dây: 8"</p> <p>Kìm mũi nhọn: 8"</p> <p>Kìm bấm phe trong: 7"</p> <p>Kìm cắt chéo: 6"</p> <p>- Ngăn 3: Bộ giũa 39 chi tiết</p> <p>10 giũa nhựa</p> <p>Giũa phẳng: 8"</p> <p>Bộ tháo ren thô 5 cái</p> <p>Bộ đột 5 cái</p> <p>Giũa nửa tròn răng trung bình: 8"</p> <p>Giũa phẳng răng trung bình: 8"</p> <p>Giũa tam giác răng trung bình: 8"</p> <p>Súng tán đinh đôi: 17"</p> <p>Bộ tuýp bắn vít sắt 12 cái</p>

TT	Danh mục trang thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		Thước kim loại điều chỉnh được - Ngăn 4: Bộ kìm khóa 13 chi tiết Kìm khóa chữ C hàm thẳng Kìm khóa hàn Kìm khóa gập Kìm mũi nhọn dài: 9" Kìm khóa tròn hàm cong: 10" Bộ dụng cụ tháo nội thất 5 chi tiết Búa cao su chống rung 1LB Súng bắn keo nhiệt 60–100W, hai chế độ nhiệt độ - Ngăn 5: Bộ gò tôn 20 chi tiết Búa gò tôn 7 cái Đòn bẩy gò tôn 3 cái Tấm đe gò tôn 3 cái Búa hợp kim nhôm hình trụ 9" Bộ cờ lê chữ T: 8 - 10 - 12 - 13 - 14 mm
5	Dụng cụ xiết, mở bulong cầm tay cỡ 3/4"	Khối lượng: 2.35kg Đầu gắn tuýp: 3/4 inch Áp suất sử dụng: 6-9bar Tốc độ quay không tải: 7000 rpm Lực vận tối đa: 1850Nm Đầu vào khí nén: 1/4 Chiều dài: 201mm Lưu lượng khí sử dụng: 198L/phút
6	Tủ dụng cụ sửa chữa chuyên dùng di động 158 chi tiết	- Ngăn 1: 97 chi tiết: Đầu tuýp 1/4": 4 - 4.5 - 5 - 5.5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 11 - 12 - 13 - 14 mm Đầu tuýp dài 1/4": 4 - 5 - 6 - 8 - 10 - 12 - 13 mm Đầu tuýp 3/8": 10 - 12 - 13 - 14 - 15 - 16 - 17 mm Đầu tuýp hoa thị 3/8": E8 - E10 - E11 - E12 - E14 - E16 - E18 - E20 Đầu tuýp 1/2": 10 - 12 - 13 - 14 - 15 - 16 - 17 - 18 - 19 - 21 - 22 - 27 mm Đầu tuýp dài 1/2": 14 - 15 - 16 - 17 - 18 - 19 - 24 mm Đầu tuýp bugi 1/2": 16 - 21 mm Cần vận tự động 72 răng: 1/4", 3/8", 1/2" Thanh nối dài 1/4": Thanh nối dài 3/8": 3" - 6" Thanh nối dài 1/2": 5" - 10" Khớp nối đa năng 1/4" Khớp nối đa năng 3/8" Khớp nối đa năng 1/2" Tay vận trượt 1/4" Thanh nối: 1/4"×65L, 3/8"×65L, 1/2"×75L Đầu nối mũi vít 1/4" Đầu chuyển đổi: 3/8" cái × 1/4" đực, 1/2" cái × 3/8" đực Đầu nối chữ Y 1/2" Đầu tuýp chịu lực: 17 - 18 - 21 mm Đầu tuýp mũi lục giác và mũi sao 3/8": H4 - H5 - H6 - H8 - T20 - T25 - T30 - T40 - T50 Đầu tuýp mũi sao 1/2": T52 (dài 125 mm)

TT	Danh mục trang thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		<p>- Ngăn 2: 27 chi tiết: Kim phe thẳng và cong: 7" Kim mũi nhọn: 6" Kim cắt chéo: 6" Kim tổng hợp: 8" Kim bấm cong: 10" Kim mở răng trượt có tay cầm cao su: 8" Dao rọc giấy: 18 mm Bộ 10 lưỡi dao: 100 × 18 × 0.5 mm Tua vít xuyên trục: 6×150 mm, 6×38 mm Tua vít cán nhựa: 6×100 mm, 5×75 mm</p> <p>- Ngăn 3: Bộ cờ lê 34 chi tiết Cờ lê tháo lọc dầu ba châu Cờ lê lực (dài đo 0–300N) Bộ cờ lê 2 đầu mở: 8 - 10 - 12 - 13 - 14 - 15 - 16 - 17 - 18 - 19 - 21 - 22 - 24 mm Mỏ lét tự điều chỉnh nửa vòng: 10" Bộ lục giác đầu bi 9 cây Bộ lục giác đầu hoa 9 cây</p>
7	Thiết bị nạp khí nén loại 330 lít 7.5 HP	Công suất: 7.5 HP - 5.5 kW Điện áp: 380 V Áp lực tối đa: 12.5 bar Lưu lượng: 670 lít/phút Dung tích bình chứa: 330 L Màu sắc: Xanh hoặc xám
8	Dụng cụ áp lực cầm tay (Búa sắt 300g, cán búa gỗ)	Khối lượng tổng: 0.45kg Nhiệt luyện cứng cho công việc cơ khí
9	Kim 6", cách điện (có lưỡi cắt và châu kẹp)	Chiều dài: 150mm. Vật liệu: CRV
10	Túi bạt đựng đồ nghề chuyên dụng cho kỹ thuật 47x55	Kích thước 47x55cm vật liệu: Vải bố
11	Bộ dụng cụ tháo lắp ốc vít tiêu chuẩn (gồm 3 chi tiết)	3 loại gồm: - Tua vít dẹp 6x150mm - Tua vít pake PH2x150mm - Tua vít pake PH3x150mm
12	Dụng cụ tháo ốc đa năng 12"	Kích thước: 12" Chiều dài: 300mm Độ ngàm mở rộng: 0-37.5mm Khối lượng: 0.64kg
13	Khẩu tháo lốp xe ô tô chuyên dụng	Khẩu tháo 4 size ốc: 17mm, 19mm, 21mm, 23mm Vật liệu: Thép hợp kim
14	Dụng cụ bơm lốp xe ô tô 0-220 psi	Hiện thị số: kim thủy lực ngàm dầu. Đơn vị đo: Bar/Psi. Phạm vi đo: 0-16Bar/0-220Psi. Đường kính mặt đồng hồ: 65mm. Chiều dài ống: 350mm
15	Dụng cụ bơm mỡ 400cc	Đường kính sản phẩm: 56,4mm. Chiều dài sản phẩm: 430mm. Dung tích sản phẩm: 600cc. Phạm vi áp suất: 8000-10000psi. Lượng mỡ đầu ra khoảng 480g.

TT	Danh mục trang thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật
16	Máy rửa xe áp lực cao nước lạnh	Công suất: 5.5kw - 7.5hp Áp lực xịt rửa: 200bar / 2900psi Lưu lượng nước: 15Lit/ phút Tốc độ quay: 1450 vòng/ phút Đầu nén mã: 1814 Kích thước: 940x580x640mm khối lượng: 101kg
17	Thiết bị nạp ắc quy và hỗ trợ khởi động	Điện áp: 220 V Công suất nạp/đề: 2/16 KVA Bước dòng điện: 15.20.30.38.45.60 A Chế độ điều chỉnh: 6 cấp Điện áp nạp: 12/24 V Dòng nạp: 35-800 Ah Dòng khởi động: 560 A Chiều dài dây ra: 3000+3000 mm Chiều dài dây vào: 3000 mm Trọng lượng: 51 kg

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu cần phải tìm hiểu rõ về điều kiện triển khai, cơ quan đơn vị liên quan có thể ảnh hưởng đến quá trình thực hiện gói thầu, từ đó đề xuất giải các giải pháp phù hợp và khả thi đảm bảo phối hợp tốt với các bên liên quan. Do đó, nhà thầu phải:

- + Tự khảo sát, lên phương án tổ chức để thực hiện gói thầu hiệu quả.
- + Nắm rõ điều kiện thực tế triển khai công việc, có giải pháp hiệu quả và tiết kiệm trong phối hợp với các bên liên quan khi thực hiện gói thầu.
- + Bố trí đủ nhân lực có đầy đủ chuyên môn và năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật để thực hiện gói thầu.
- + Bố trí hệ thống giám sát chất lượng trong quá trình thực hiện gói thầu.
- + Tất cả nhân sự tham gia thực hiện gói thầu khi ra vào cơ quan phải tuân thủ quy chế làm việc và ra vào cơ quan của Chủ đầu tư.
- + Tất cả các máy móc, dụng cụ... nhà thầu huy động để thực hiện gói thầu phải được để gọn gàng, ngăn nắp, không được cản trở giao thông cũng như mỹ quan nơi làm việc.
- + Tự chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra và quản lý nhân sự, máy móc, thiết bị của mình khi thực hiện gói thầu.
- + Thực hiện tất cả công việc thuộc trách nhiệm của mình đảm bảo chất lượng.
- + Toàn bộ quá trình thực hiện gói thầu nhà thầu phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động; vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ tuân thủ các quy định của pháp luật và của chủ đầu tư.
- + Hàng hóa, các dụng cụ, vật tư, máy móc... (thuộc gói thầu hoặc phục vụ thực hiện gói thầu) không được ảnh hưởng đến môi trường và hoàn toàn phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam.

- Quy định về bảo hành hàng hóa:

+ Nhà thầu phải nêu rõ trong E-HSĐT về thời gian bảo hành đối với hàng hóa (ngày/tháng/năm) phù hợp với chính sách bảo hành của nhà sản xuất và đáp ứng yêu cầu nêu tại Điểm 5.1 của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật thuộc Chương III của E-HSMT.

Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành miễn phí bắt đầu từ ngày hàng hóa của toàn bộ gói thầu được nghiệm thu và bàn giao cho Chủ đầu tư. Nhà thầu phải thực hiện tất cả nghĩa vụ bảo hành theo chính sách bảo hành của nhà sản xuất (hoặc đại lý, nhà phân phối) và quy định của pháp luật hiện hành liên quan về bảo hành hàng hóa, thiết bị.

+ Địa điểm bảo hành: Nhà thầu phải thực hiện bảo hành tại chỗ (tại địa điểm của đơn vị được cấp phát hàng hóa của Bộ Quốc phòng). Trong trường hợp đặc biệt, hàng hóa sẽ bảo hành tại các trung tâm bảo hành hoặc các cơ sở bảo hành chính hãng của nhà sản xuất.

+ Nhân sự thực hiện nghĩa vụ bảo hành: Nhà thầu phải bố trí đủ nhân sự có đầy đủ năng lực hành vi nhân sự theo quy định của pháp luật, chuyên môn cao về hàng hóa của gói thầu, có ý thức và trách nhiệm để đảm nhiệm việc bảo hành hàng hóa. Trong trường hợp cần thiết, nhà thầu phải mời chuyên gia của nhà sản xuất (hoặc nhà phân phối) để thực hiện nghĩa vụ bảo hành đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

+ Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo hành: Tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

+ Hết thời gian bảo hành, nhà thầu phải cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như: Bảo trì, bảo dưỡng; cung cấp các vật tư, phụ tùng thay thế; khắc phục, xử lý các vấn đề nghiêm trọng trong toàn bộ quá trình sử dụng hàng hóa nếu được chủ đầu tư yêu cầu.

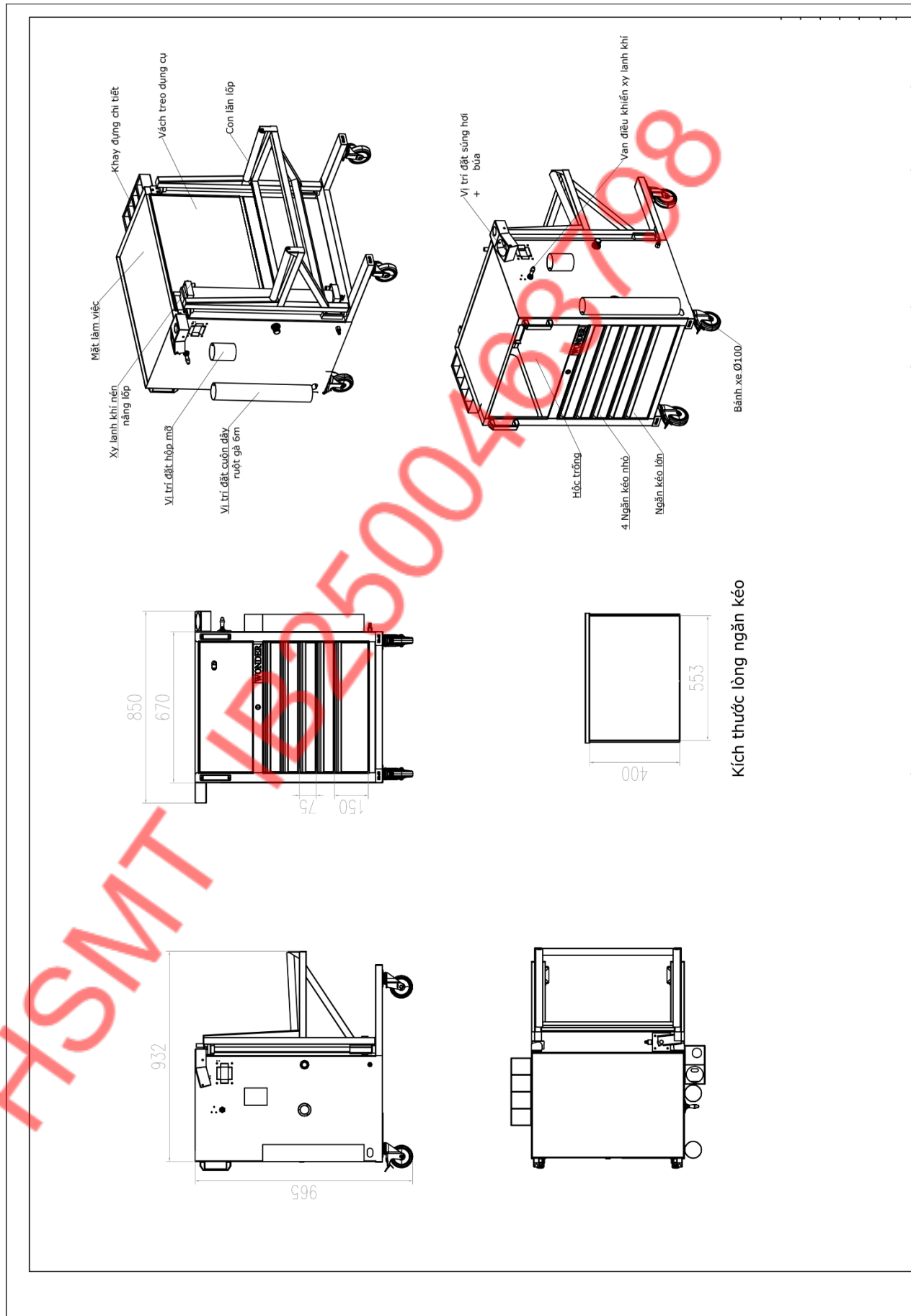
- Quy định về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa: Nhà thầu phải thực hiện tất cả nghĩa vụ về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định, chính sách của nhà sản xuất (hoặc đại lý, nhà phân phối); hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư và quy định của pháp luật hiện hành liên quan về bảo trì, bảo dưỡng hàng hóa. Chi phí thực hiện theo chính sách của nhà sản xuất (hoặc đại lý, nhà phân phối) và theo thỏa thuận giữa nhà thầu và Chủ đầu tư.

- Công tác hướng dẫn vận hành, sử dụng; hướng dẫn xử lý, khắc phục các lỗi cơ bản hàng hóa, thiết bị cho cán bộ Chủ đầu tư: Nhà thầu phải bố trí cán bộ có đầy đủ chuyên môn, năng lực hành vi dân sự để thực hiện công việc. Trường hợp cần thiết nhà thầu phải phải bố trí chuyên gia của nhà sản xuất (hoặc đại lý, nhà phân phối) thực hiện công việc đảm bảo chất lượng.

- Cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu: Trường hợp phát hiện ra bất cứ hư hỏng, không đúng chủng loại, không đúng chất lượng, quy cách hai bên sẽ lập biên bản. Khi đó Chủ đầu tư có quyền không nhận hàng, nhà thầu phải thực hiện việc thay thế, sửa chữa, bổ sung các khiếm khuyết này chậm nhất trong vòng 48 (bốn tám) giờ và phải chịu mọi phí tổn cho việc cung cấp hàng thay thế, sửa chữa các sai sót phát sinh.

Mục 2. Bản vẽ:

Bản vẽ Tủ dụng cụ sửa chữa chuyên dùng 228 chi tiết (có bánh xe di chuyển)



HSMT IB2500463798

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Quy trình kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa, thiết bị

- Hàng hóa mua sắm phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng về kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa.

- Hàng hóa phải được kiểm tra, thử nghiệm theo quy trình kiểm tra, thử nghiệm của Chủ đầu tư, ngoài ra còn phải thực hiện theo các quy định của nhà sản xuất.

- Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng. Và Nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác có chất lượng tương đương hoặc cao hơn nhưng phù hợp và phải được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được thì Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra.

3.2. Cách thức kiểm tra, thử nghiệm

- Kiểm tra chủng loại, số lượng, phụ kiện đồng bộ kèm theo, nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ, catalogue hàng hóa theo quy định tại HSMT.

- Kiểm tra tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa gồm:

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với hàng hóa được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam);

+ Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (C/O) Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q); Tờ khai hải quan, Hóa đơn thương mại,(đối với hàng hóa nhập khẩu);

+ Phiếu bảo hành hàng hóa hoặc các thông tin Chủ đầu tư có thể tra cứu trực tuyến cấu hình và thời hạn bảo hành trên Website của hãng sản xuất (nếu có);

+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo trì, ... (nếu có).

+ Hóa đơn GTGT theo đúng quy định của Bộ Tài chính;

+ Các tài liệu khác có liên quan.

- Kiểm tra, thử nghiệm về tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT và quy định của nhà sản xuất.

- Kiểm tra vận hành chạy thử (ở các chế độ không tải, có tải; đơn động, liên động (nếu có)) để đánh giá khả năng hoạt động của hàng hóa.

- Kiểm tra công tác đảm bảo an toàn khi thực hiện kiểm tra, vận hành thử nghiệm để bảo đảm tuyệt đối tuân thủ theo quy định về an toàn.

3.3. Giám định chất lượng hàng hóa

Toàn bộ hàng hóa phải được giám định chất lượng bởi Cơ quan có chức năng của Chủ đầu tư (nếu có) trước khi nghiệm thu và bàn giao.

Quy trình giám định chất lượng tuân thủ theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Trong quá trình giám định chất lượng hàng hóa, nhà thầu đưa hàng hóa đến địa điểm giám định theo yêu cầu của Cơ quan giám định và phải cung cấp tất cả các tài liệu, thông tin của hàng hóa (trong phạm vi trách nhiệm của nhà thầu) để phục vụ việc giám định chất lượng.

Chỉ khi hàng hóa giám định chất lượng đạt yêu cầu theo kết luận của Cơ quan giám định thì hàng hóa mới đủ điều kiện để nghiệm thu và bàn giao. Trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu thì nhà thầu phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Cơ quan

giám định hoặc thay thế bằng hàng hóa khác đảm bảo đạt yêu cầu.

HSM T IB2500463798